

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



VÕ THỊ THUẬN NGÀN

PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU

Ngành: Luật Kinh tế.

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Thị Huệ**

Phản biện 1: PGS.TS Nguyễn Duy Phương

Phản biện 2: PGS.TS Hà Thị Mai Hiền

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	4
7. Kết cấu của luận văn	5
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU	5
1.1. Khái quát về thoả thuận trọng tài và thoả thuận trọng tài vô hiệu	5
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của thoả thuận trọng tài.....	5
1.1.2. Khái niệm về thoả thuận trọng tài vô hiệu	6
1.2. Khái quát pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	7
1.2.1. Khái niệm pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu	7
1.2.2. Nội dung pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu	7
Tiểu kết Chương 1.....	8
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU Ở VIỆT NAM. 9	9
2.1. Thực trạng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu	9
2.1.1. Thực trạng quy định về căn cứ xác định thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	9
2.2.1. Thực trạng quy định về thẩm quyền tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu ...	12
2.1.3. Thực trạng quy định về hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài vô hiệu	14
2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu ở Việt Nam.....	15
2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về thẩm quyền tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	15

2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về căn cứ xác định thoả thuận trọng tài vô hiệu	16
2.2.3. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	17
Tiểu kết chương 2.....	17
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU	18
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	18
3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu đáp ứng yêu cầu hoàn thiện pháp luật trọng tài thương mại	18
3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu nhằm tạo sự tương thích, phù hợp và đồng bộ với thông lệ quốc tế	18
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	19
3.2.1. Hoàn thiện quy định về căn cứ xác định thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	19
3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu	19
3.2.3. Hoàn thiện quy định về hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài vô hiệu ...	19
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu.....	20
3.3.1. Nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán	20
3.3.2. Nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Trọng tài viên	20
Tiểu kết Chương 3	21
KẾT LUẬN	21
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	23

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thực tiễn, cho thấy các thương nhân thường lựa chọn hình thức trọng tài để giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, bởi lý do cơ chế giải quyết tranh chấp bằng trọng tài chứa đựng các “lợi thế” so với các hình thức giải quyết tranh chấp khác, điển hình là tính nhanh gọn, hiệu quả để bảo vệ kịp thời các quyền lợi kinh tế của các bên khi tham gia quan hệ kinh doanh, thương mại. Một nghiên cứu khảo sát của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (Viết tắt: “VIAC”) năm 2014 cho thấy chỉ có 36,7% số doanh nghiệp khảo sát lựa chọn trọng tài để giải quyết tranh chấp và trong số đó chỉ có 12% lựa chọn VIAC. Tuy nhiên, để các tranh chấp thương mại được giải quyết bằng trọng tài thì cần phải có thỏa thuận trọng tài. Do đó, có thể hình dung thỏa thuận trọng tài được xem là “nền móng” cho việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài với nguyên tắc vàng là không thể tiến hành tố tụng trọng tài mà không có thỏa thuận trọng tài. Nói cách khác, không có thỏa thuận trọng tài thì không có việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Thỏa thuận trọng tài là yếu tố cơ bản cần thiết, là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ hoạt động trọng tài kể từ lúc khởi đầu trọng tài cho đến khi công nhận và thi hành phán quyết trọng tài.

Để một tranh chấp thương mại có thể được giải quyết bằng trọng tài, điều kiện đầu tiên cần có là phải có thỏa thuận trọng tài. Nếu không có thỏa thuận trọng tài thì tranh chấp thương mại không thể được giải quyết bằng trọng tài. Trải qua hơn 10 năm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2011 cho đến nay, Luật Trọng tài thương mại (Luật TTTM) năm 2010 đã có những chuyển biến tích cực hơn so với Pháp lệnh Trọng tài thương mại (PLTTTM) năm 2003. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng cũng cho thấy một số quy định của Luật TTTM năm 2010 vẫn chưa rõ ràng, cụ thể và thiếu tính khả thi; trong đó có những quy định lên quan đến “thỏa thuận trọng tài vô hiệu”. Trong quy định về thỏa thuận trọng tài vô hiệu còn nhiều điểm chưa được giải thích rõ ràng trong Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, gây khó khăn cho việc hiểu và áp dụng pháp luật đối với những tổ chức, cơ quan trực tiếp áp dụng đó là các tổ chức Trọng tài Thương mại, Tòa án và đặc biệt là các doanh nghiệp có tranh chấp yêu cầu trọng tài giải quyết. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của thỏa thuận trọng tài vô hiệu cũng như chưa có được kiến thức đầy đủ về thỏa thuận trọng tài vô hiệu nên việc soạn thảo thỏa thuận trọng tài còn một số hạn chế dẫn tới thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Thỏa thuận trọng tài vô hiệu khiến cho thẩm quyền giải quyết tranh chấp không còn thuộc thẩm quyền của trọng tài, khiến việc giải quyết tranh chấp bị kéo dài hơn và trong nhiều trường hợp dẫn tới những thiệt hại về kinh tế cho các bên tranh chấp.

Vì vậy, việc nghiên cứu những quy định của pháp luật và thực trạng áp dụng pháp luật trọng tài thương mại thông qua một số vụ việc liên quan đến thỏa thuận trọng tài vô hiệu, từ đó đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật trọng tài thương mại về thỏa thuận trọng tài vô hiệu là rất cần

thiết. Do đó, học viên lựa chọn đề tài “**Pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu**” làm luận văn thạc sĩ luật Kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài

Vấn đề thoả thuận trọng tài và hiệu lực của thoả thuận trọng tài đã được khá nhiều tác giả phân tích từ nhiều góc độ khác nhau. Có nhiều công trình nghiên cứu khá công phu, có tính hệ thống những vấn đề pháp lý về trọng tài, trong từng nội dung cụ thể, cùng với việc phân tích các quy phạm pháp luật của Việt Nam (Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 và Luật trọng tài thương mại năm 2010). Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình nghiên cứu về thoả thuận trọng tài vô hiệu. Khảo sát có thể kể đến một số công trình tiêu biểu sau:

- Bài viết “*Thẩm quyền quyết định hiệu lực và luật điều chỉnh thoả thuận trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế*” của tác giả Trần Thị Thu Phương đăng trên Tạp chí Luật học. Số 10/2016. Bài viết phân tích thẩm quyền quyết định hiệu lực của thoả thuận trọng tài và luật điều chỉnh thoả thuận trọng tài trong giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế theo quy định của pháp luật Việt Nam, so sánh với pháp luật một số quốc gia khác trên thế giới.

- Bài viết “*Xây dựng điều khoản thoả thuận trọng tài thương mại*” của tác giả Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú đăng trên Tạp chí Dân chủ và Pháp luật năm 2022. Bài viết đã làm rõ các phương thức để xây dựng những thoả thuận trọng tài phù hợp với quy định của pháp luật, giúp doanh nghiệp, cá nhân có thể lựa chọn linh hoạt hình thức điều khoản trọng tài phù hợp với điều kiện thực tiễn.

- Bài viết “*Thoả thuận trọng tài vô hiệu, một căn cứ hủy phán quyết trọng tài*” của tác giả Trương Duy Lượng đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 1/2017. Bài viết đã làm rõ các vấn đề cần phải chú ý khi áp dụng các quy định của Điều 18 Luật Trọng tài thương mại về thoả thuận trọng tài vô hiệu: người xác lập thoả thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; người xác lập thoả thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự; hình thức của thoả thuận trọng tài không phù hợp với quy định tại Điều 16 Luật Trọng tài thương mại.

- Luận văn thạc sĩ “*Quy định pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu*” của tác giả Nguyễn Tiến Lực thực hiện tại Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh năm 2015. Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu trong thực tiễn, nêu lên những kiến nghị có giá trị tham khảo trong việc hoàn thiện chế định luật về Trọng tài thương mại, tạo ra một hành lang pháp lý hoàn chỉnh trong lĩnh vực giải quyết tranh chấp bằng con đường Trọng tài, lành mạnh hóa môi trường cạnh tranh.

- Luận văn thạc sĩ “*Thoả thuận trọng tài theo pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Lê Thị Phương Anh thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội năm 2019. Luận văn đã phân tích và đánh giá thực tiễn áp dụng quy định về thoả thuận trọng tài ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở làm rõ những thành tựu đạt được và các hạn chế còn tồn tại, qua đó tìm ra những phương

hướng nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về thỏa thuận trọng tài ở Việt Nam trong thời gian tới.

Nhìn chung, các nghiên cứu kể trên chủ yếu nghiên cứu chung các phương diện về giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại và những điều kiện để thỏa thuận trọng tài có hiệu lực. Vấn đề thỏa thuận trọng tài vô hiệu chỉ được đề cập ở mức độ hết sức khái quát, chiếm một phần nhỏ trong những công trình nghiên cứu nói trên. Vì vậy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống về vấn đề thỏa thuận trọng tài vô hiệu mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Những giải pháp của đề tài hy vọng sẽ đem lại những kết quả thiết thực cho việc hoàn thiện các quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu ở Việt Nam. Từ các kết quả nghiên cứu trên, đề tài kế thừa nội dung sau: Một là, các vấn đề lý luận pháp luật về thỏa thuận trọng tài. Hai là, thực trạng pháp luật về thỏa thuận trọng tài. Ba là, thực tiễn thực hiện pháp luật về thỏa thuận trọng tài. Trên cơ sở các nội dung kế thừa, luận văn nghiên cứu chuyên sâu một số vấn đề lý luận về thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thực trạng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu và thực tiễn thực hiện pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu, Luận văn nhằm đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, Luận văn có các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.
- Đánh giá thực trạng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu, từ đó chỉ ra những ưu điểm và tồn tại, hạn chế.
- Đánh giá thực tiễn áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu tại Việt Nam, từ đó chỉ ra những kết quả đạt được và các vướng mắc, bất cập.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu tại Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Thứ nhất, các vấn đề lý luận về thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Thứ hai, pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu thông qua Luật Trọng tài thương mại năm 2010, BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Thứ ba, thực tiễn áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu tại Việt Nam trong thời gian vừa qua.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Luận văn nghiên cứu pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu và thực tiễn áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu ở Việt Nam.

- Phạm vi thời gian nghiên cứu: Giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2022.

- Phạm vi địa bàn nghiên cứu: Việt Nam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật trọng tài thương mại.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

* Phương pháp phân tích, phương pháp luận giải và tổng hợp được sử dụng để tìm hiểu, phân tích, luận giải nhằm làm rõ thực trạng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu, từ đó chỉ ra những bất cập của pháp luật Việt Nam.

* Phương pháp luật học so sánh được sử dụng nhằm phân tích có so sánh các quy định của pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu trong nước và ngoài nước.

* Phương pháp phân tích tình huống được áp dụng nhằm phân tích và bình luận về các vụ việc cụ thể liên quan đến thỏa thuận trọng tài vô hiệu đã được giải quyết tại Tòa án Việt Nam. Từ đó, rút ra những bài học kinh nghiệm và giải pháp khắc phục những hạn chế, sai sót trong thực tiễn xét xử tại Tòa án Việt Nam hiện nay khi thực hiện pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Thứ nhất, Luận văn đã phân tích những bất cập và những vướng mắc trong việc áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về thỏa thuận trọng tài vô hiệu, đặc biệt là những bất cập và khó khăn trong việc áp dụng các quy định về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Thứ hai, Luận văn nghiên cứu pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo pháp luật một số quốc gia trên thế giới nhằm một mặt để so sánh với pháp luật của Việt Nam, mặt khác để có cơ sở xây dựng luận cứ khoa học khi đề xuất kiến nghị và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Thứ ba, Luận văn đã đề xuất hệ thống các giải pháp và các kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam về thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của Luận văn là tài liệu tham khảo có giá trị trong nghiên cứu, giảng dạy và học tập về pháp luật TTTM nói chung và pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu nói riêng. Kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong việc giải thích và áp dụng LTTTM, cụ thể là các quy định liên quan đến thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật, phát triển nguồn lực và xây dựng các cơ chế thực thi được

đưa ra trong Luận văn còn là tài liệu tham khảo bổ ích cho Tòa án, trọng tài viên, cơ quan ban hành pháp luật và cả các bên tranh chấp khi họ đưa vụ việc ra giải quyết tại TTTM.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu, phần kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có kết cấu gồm 03 chương.

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu tại Việt Nam.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu.

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU

1.1. Khái quát về thoả thuận trọng tài và thoả thuận trọng tài vô hiệu

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm của thoả thuận trọng tài

1.1.1.1. Khái niệm về thoả thuận trọng tài

Với tính chất là một phương thức giải quyết tranh chấp trên cơ sở lựa chọn của các bên, Trọng tài sẽ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp khi các bên tranh chấp có thoả thuận trọng tài. Thoả thuận trọng tài là sự đồng thuận của các bên về việc đưa các tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh giữa họ ra giải quyết bằng Trọng tài. “Thoả thuận trọng tài là nền móng của tổ tụng trọng tài thương mại quốc tế. Thoả thuận này ghi nhận sự đồng ý của các bên về việc đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết - đây là thoả thuận không thể thiếu đối với bất kỳ quá trình giải quyết tranh chấp nào ngoài Tòa án quốc gia”.

Hiện nay, khoản 2, Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 (sau đây gọi là Luật TTTM năm 2010) quy định như sau: “Thoả thuận trọng tài là thoả thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng Trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh”. Và khoản 1, Điều 5 quy định: “Tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thoả thuận trọng tài. Thoả thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp”.

Từ các phân tích trên có thể thấy, “thoả thuận trọng tài là vấn đề then chốt, là “hòn đá tảng” trong việc giải quyết tranh chấp thương mại bằng Trọng tài”. Theo tác giả có thể hiểu: “Thoả thuận trọng tài được hiểu là sự thống nhất ý chí của các bên nhằm giải quyết tranh chấp phát sinh giữa họ thông qua thủ tục trọng tài. Thoả thuận này thể hiện sự cam kết chấp thuận thẩm quyền của trọng tài của các bên liên quan trong việc giải quyết các tranh chấp đã phát sinh hoặc có thể phát sinh giữa họ với nhau trong khuôn khổ một mối quan hệ pháp luật xác định”.

1.1.1.2. Đặc điểm của thoả thuận trọng tài

Thứ nhất, thỏa thuận trọng tài có giá trị ràng buộc các bên trong việc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài. Thỏa thuận trọng tài là yếu tố cơ bản của Trọng tài thương mại, là căn cứ xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng. Theo đó, khi có tranh chấp xảy ra thì Trọng tài được lựa chọn sẽ là cơ quan giải quyết tranh chấp giữa các bên xác lập quan hệ thỏa thuận này. Qua đó, cũng giúp các bên nâng cao ý thức trong việc thực hiện nghĩa vụ cam kết và là một biện pháp tích cực để phòng ngừa các tranh chấp và cũng là một dạng kiểm soát giao dịch.

Thứ hai, thỏa thuận trọng tài có hiệu lực cho phép khẳng định “thẩm quyền của Trọng tài thương mại” mà các bên đã có thỏa thuận trọng tài (trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được). Có thể nói đây là chức năng quan trọng nhất của thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có hiệu lực sẽ “cho phép loại trừ sự can thiệp của Tòa án quốc gia vào giải quyết tranh chấp, ít nhất trước khi ban hành quyết định trọng tài”.

Thứ ba, thỏa thuận trọng tài trao cho các Trọng tài viên thẩm quyền giải quyết tranh chấp có thể xảy ra giữa các bên. Thỏa thuận trọng tài là cơ sở để xác định thẩm quyền của HĐTT. Về nguyên tắc, HĐTT chỉ được phép thực hiện quyền mà các bên trao cho. Tuy nhiên, HĐTT có thể có một số quyền khác do pháp luật quy định.

Thứ tư, tính tự nguyện của thỏa thuận trọng tài. “Thỏa thuận trọng tài” là nền móng của tổ tụng trọng tài, trong đó yếu tố tự nguyện, tự do ý chí là đặc tính không thể thiếu đối với bất kỳ quá trình giải quyết tranh chấp nào ngoài Tòa án quốc gia và trong tổ tụng Trọng tài cũng không phải là ngoại lệ bởi lẽ quá trình này có thực hiện được hay không là phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa các bên. Cũng chính vì lẽ đó mà các luật gia Châu Âu rất coi trọng mong muốn của các bên.

1.1.2. Khái niệm về thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Về nguyên tắc, nếu các bên không có thỏa thuận trọng tài thì Trọng tài không có quyền giải quyết tranh chấp. Một thỏa thuận trọng tài không tuân thủ những điều kiện có hiệu lực của pháp luật như chủ thể ký kết, năng lực ký kết, hình thức, sự tự nguyện... thì thỏa thuận trọng tài đó bị xem là vô hiệu và hậu quả là Trọng tài không có thẩm quyền giải quyết. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là có một số trường hợp thỏa thuận trọng tài tuy vô hiệu (lừa dối, đe dọa, cưỡng ép) nhưng xuất phát từ đặc điểm tự nguyện của thỏa thuận trọng tài, pháp luật cho phép bên bị vi phạm có quyền chấp nhận sự vô hiệu này. Nghĩa là thỏa thuận trọng tài đó vẫn có hiệu lực thi hành. Hiện nay, Luật Trọng tài thương mại không đưa ra khái niệm thế nào là “thỏa thuận trọng tài vô hiệu” mặc dù có cả một điều luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Xét về bản chất thì thỏa thuận trọng tài là một dạng của giao dịch dân sự, do đó, khi xem xét thỏa thuận trọng tài vô hiệu cần phải đặt trong mối quan hệ với giao dịch dân sự vô hiệu nói chung để hiểu đúng bản chất của thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Vô hiệu là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong khoa học pháp lý, trong thực tiễn áp dụng và cả trong pháp luật thực định.

Từ các phân tích trên có thể hiểu: “*Thỏa thuận trọng tài vô hiệu là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng Trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh nhưng lại không có hiệu lực pháp lý thi hành do các nội dung của thỏa thuận trọng tài không tuân thủ các quy định của pháp luật*”.

1.2. Khái quát pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu

1.2.1. Khái niệm pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Thỏa thuận trọng tài vô hiệu là một chế định đặc biệt trong pháp luật trọng tài. Bởi vì, thỏa thuận trọng tài vô hiệu sẽ dẫn đến hậu quả pháp lý có thể “vô hiệu hoá” thẩm quyền giải quyết tranh chấp của TTTM hoặc có thể dẫn đến việc Tòa án ra quyết định “huỷ phán quyết” của TTTM đã tuyên. Do đó, nhằm bảo vệ các lợi ích tư của đương sự, tránh sự “lạm dụng” của các cơ quan giải quyết tranh chấp xâm phạm đến các lợi ích hợp pháp của các đương sự thì pháp luật cần đưa ra quy định cụ thể về thẩm quyền tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu, căn cứ pháp lý để xác định thỏa thuận trọng tài vô hiệu và hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Với tư cách là một chế định của pháp luật trọng tài thương mại có thể hiểu: “*Pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu là hệ thống quy tắc xử sự chung do Nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình xác định hiệu lực pháp lý của thỏa thuận trọng tài*”.

1.2.2. Nội dung pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu

1.2.2.1. Nhóm quy phạm pháp luật về căn cứ xác định thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Giá trị pháp lý của nó sẽ là cơ sở để làm phát sinh thẩm quyền của Trọng tài, là cơ sở để Tòa án ra tuyên bố huỷ phán quyết trọng tài và cũng là cơ sở để Tòa án trong nước ra quyết định công nhận và thi hành phán quyết của Trọng tài nước ngoài tại quốc gia mình. Tuy nhiên, nếu thỏa thuận trọng tài không đáp ứng những yêu cầu do pháp luật quy định thì thỏa thuận đó sẽ bị coi là vô hiệu. Do đó để xác định được một thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì Luật TTTM đã quy định cụ thể về các căn cứ pháp lý xác định hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Có ý kiến nhận định: “Trong Luật trọng tài thương mại đã dành hẳn một chương quy định về thỏa thuận trọng tài. Luật trọng tài thương mại vừa nội luật hóa pháp luật quốc tế, vừa cụ thể hóa quy định của BLDS về các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự, vừa quy định thêm các điều kiện bổ sung thể hiện tính đặc thù của thỏa thuận trọng tài, đó là thỏa thuận trọng tài phải là thỏa thuận thuộc loại việc quy định tại Điều 2 Luật trọng tài thương mại và người xác lập thỏa thuận trọng tài phải là người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.2.2.2. Nhóm quy phạm pháp luật về thẩm quyền tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Một thỏa thuận trọng tài vô hiệu không đương nhiên vô hiệu mà phải thông qua một quyết định tuyên bố vô hiệu của cơ quan có thẩm quyền. “Bản thân các bên ký kết thỏa thuận trọng tài không thể tự mình quyết định về hiệu lực của

thỏa thuận trọng tài”. Về nguyên tắc, thỏa thuận trọng tài vô hiệu sẽ dẫn đến các hậu quả pháp lý tương đối phức tạp như “vô hiệu hoá” thẩm quyền của TTTM hoặc đình chỉ giải quyết tranh chấp nếu TTTM đã thụ lý và giải quyết hoặc có thể dẫn đến việc huỷ phán quyết TTTM đã tuyên. Do đó, khi tiến hành thụ lý thì vấn đề quan trọng đầu tiên đó là HĐTT cần xác định hiệu lực của thỏa thuận trọng tài hay nói cách khác đó là HĐTT cần xem xét liệu thỏa thuận trọng tài có hiệu lực hay không? Tuy nhiên, việc tự mình xác định hiệu lực thỏa thuận trọng tài của HĐTT đôi khi gặp một số hạn chế nhất định xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan. Do đó, pháp luật đã trao thẩm quyền hỗ trợ của Tòa án trong việc xác định hiệu lực của thỏa thuận trọng tài thông qua việc phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài và Tòa án.

1.2.2.3. Nhóm quy phạm pháp luật về hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Hậu quả theo nghĩa thông thường là kết quả không hay về sau. Như vậy, hậu quả trước hết phải là kết quả và kết quả đó phải xảy ra từ một sự kiện, một hành vi nào đó, tức là hành vi, sự kiện và kết quả phải có mối quan hệ nhân quả với nhau. Mặc dù khái niệm hậu quả được sử dụng rộng rãi trong khoa học pháp lý cũng như luật thực định, thuật ngữ nhưng hiện nay các nhà khoa học vẫn chưa đưa ra một khái niệm cụ thể nào, các nhà lập pháp cũng chỉ đi sâu vào quy định nội dung. Khác với hậu quả pháp lý của các giao dịch bị tuyên bố vô hiệu đó: “Các bên tham gia giao dịch dân sự nhằm thiết lập một quan hệ dân sự, mà ở đó mỗi bên đều đạt được một mục đích nhất định. Mục đích này có thể thỏa mãn về vật chất hoặc tinh thần cho mỗi bên.

Tiểu kết Chương 1

Trọng tài là một hình thức giải quyết tranh chấp có lịch sử phát triển lâu đời trên thế giới. Các quốc gia trên thế giới đều xây dựng những quy phạm pháp luật điều chỉnh trọng tài nhằm tạo hành lang pháp lý và đưa trọng tài phát triển. Thỏa thuận trọng tài là cơ sở để xác lập thẩm quyền của trọng tài. Do đó, hầu hết trong quy định của pháp luật nội địa của mình, các quốc gia đều dành những quy định cụ thể về điều kiện để một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực. Trong Chương 1, tác giả đã trình bày những vấn đề cơ bản về thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Đầu tiên, tác giả nghiên cứu khái niệm về thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Tiếp theo, tác giả trình bày tổng quan một số vấn đề lý luận pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Những kết quả nghiên cứu trên đây sẽ là tiền đề quan trọng để trong Chương 2, tác giả đi vào phân tích thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu trong thời gian qua; từ đó làm cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất các giải pháp nhằm làm cho những quy định pháp luật về lĩnh vực này trở nên rõ ràng, minh bạch, có tính khả thi khi áp dụng vào thực tiễn.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu

2.1.1. *Thực trạng quy định về căn cứ xác định thỏa thuận trọng tài vô hiệu*

2.1.1.1. *Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài*

Thẩm quyền của Trọng tài được hiểu là giới hạn những vụ việc được pháp luật quy định thuộc quyền hạn giải quyết của cơ quan Trọng tài. Không giống với Tòa án, Trọng tài không có khái niệm thẩm quyền theo lãnh thổ hay theo cấp. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Trọng tài được xác lập trên cơ sở thỏa thuận trọng tài được xác lập giữa các bên tranh chấp. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Trọng tài có quyền giải quyết mọi tranh chấp khi được các bên tranh chấp yêu cầu. Pháp luật mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về thẩm quyền vụ việc của Trọng tài. Điều 2 Luật Trọng tài thương mại của Việt Nam quy định Trọng tài có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp sau đây:

- Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại.
- Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó có ít nhất một bên có hoạt động thương mại.
- Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng Trọng tài.

Về kỹ thuật lập pháp, so với Pháp lệnh năm 2003, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã mở rộng phạm vi thẩm quyền của Trọng tài cả về lĩnh vực tranh chấp và về chủ thể tranh chấp. (i) Xét về lĩnh vực phát sinh tranh chấp: Trước hết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại, có nghĩa là những xung đột, bất đồng giữa các bên về quyền, nghĩa vụ khi tham gia hoạt động thương mại đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài. Bên cạnh đó, những tranh chấp không phát sinh từ hoạt động thương mại nhưng pháp luật có liên quan quy định được giải quyết bằng Trọng tài cũng được lựa chọn Trọng tài là phương thức giải quyết. (ii) Xét về chủ thể tranh chấp: Tổ chức, cá nhân bất kỳ đều có quyền lựa chọn phương thức Trọng tài để giải quyết tranh chấp của mình. Các tổ chức, cá nhân có thể là chủ thể kinh doanh hoặc không. Pháp luật không có giới hạn về chủ thể, miễn là tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực được giải quyết bằng Trọng tài. Ví dụ, tranh chấp giữa một bên là nhà đầu tư với một bên là cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến hoạt động đầu tư có thể lựa chọn giải quyết tại Trọng tài thương mại theo quy định tại Điều 12 Luật Đầu tư năm 2005 (tương ứng Điều 14 Luật đầu tư năm 2020).

2.1.1.2. *Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật*

Về nguyên tắc, thỏa thuận trọng tài do người không có thẩm quyền xác lập thì thỏa thuận trọng tài đó vô hiệu. Tuy nhiên, đối với tranh chấp có yếu tố nước

ngoài thì vấn đề này không đơn giản. Trong một hội thảo do Nhà pháp luật Việt - Pháp tổ chức vào năm 2009, một chuyên gia đã nêu rằng “về thẩm quyền của người đại diện công ty, thực tiễn xét xử của Pháp đã có nhiều thay đổi. Nhiều công ty nghĩ rằng sẽ bị thua kiện khi vụ tranh chấp được đưa ra trọng tài giải quyết nên lấy lý do rằng thỏa thuận trọng tài đã được ký kết bởi người không có thẩm quyền. Đây chỉ là cái cớ của các công ty vì trên thực tế, họ thường cử những người hoàn toàn có thẩm quyền ký kết hợp đồng và Thỏa thuận trọng tài. Để làm thất bại ý định này, Tòa án Pháp đã ra một bản án, theo đó trong trường hợp như vậy, người ký kết hợp đồng được suy đoán là có thẩm quyền ký kết trừ trường hợp doanh nghiệp chứng minh được người đó không có thẩm quyền. Tòa án cho rằng đây là một nguyên tắc của luật quốc tế, do đó không cần phải tìm luật quốc gia là Pháp hay Việt Nam để áp dụng, chỉ cần căn cứ vào nguyên tắc đó để xác định người ký kết hợp đồng là có thẩm quyền”. Trường hợp thỏa thuận trọng tài do người không có thẩm quyền xác lập nhưng trong quá trình xác lập, thực hiện thỏa thuận trọng tài hoặc trong tố tụng trọng tài mà người có thẩm quyền xác lập thỏa thuận trọng tài đã chấp nhận hoặc đã biết việc người ký kết thỏa thuận trọng tài không phải là người đại diện theo pháp luật hay đại diện theo ủy quyền mà không phản đối thì thỏa thuận trọng tài không vô hiệu.

2.1.1.3. Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự

So với Pháp lệnh trọng tài thương mại, Luật trọng tài thương mại đã có một số thay đổi trong đó có thêm đoạn cho biết xác định chủ thể có năng lực hành vi dân sự hay không. Theo Luật trọng tài thương mại, việc xác định này được tiến hành “theo quy định của Bộ luật dân sự”. Đồng thời tại Khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 01/2014 đã đưa ra hướng dẫn cụ thể như sau: “Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự” quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật TTTM là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Trong trường hợp này thì Tòa án cần thu thập chứng cứ để chứng minh người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự thì phải có giấy tờ tài liệu chứng minh ngày tháng năm sinh hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của Tòa án xác định, tuyên bố người đó mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật TTTM năm 2010 có một số ý kiến lo ngại rằng: “Quy định này được hiểu là đối với một người nước ngoài là một bên trong vụ tranh chấp giải quyết bởi trọng tài, năng lực hành vi của người đó được xác định theo pháp luật Việt Nam. Tôi băn khoăn không biết quy định như vậy có chặt chẽ không vì năng lực hành vi của một người thường được xác định theo luật của nước mà người đó mang quốc tịch. Do đó, khoản 3 chỉ phù hợp với trọng tài trong nước còn đối với trọng tài quốc tế, khoản này sẽ làm hạn chế thẩm quyền của trọng tài trong việc đánh giá năng lực hành vi của các bên”.

2.1.1.4. Hình thức của thỏa thuận trọng tài không phù hợp với quy định tại Điều 16 Luật Trọng tài thương mại

Cũng như pháp luật các nước, pháp luật Việt Nam quy định hình thức của thỏa thuận trọng tài phải bằng văn bản. Quy định này hoàn toàn phù hợp với pháp luật thế giới. Pháp luật Anh, Hoa Kỳ hay Luật mẫu UNCITRAL đều xác định rõ thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản. Tuy nhiên, pháp luật ở mỗi quốc gia lại có quy định khác nhau về cách thức xác định thế nào là văn bản. Theo pháp luật Việt Nam thì thỏa thuận được coi là xác lập bằng văn bản nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

Một là, thỏa thuận được xác lập bằng văn bản là một điều khoản trọng tài trong hợp đồng giữa các bên hoặc là một văn bản thỏa thuận riêng của các bên về việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

Hai là, thỏa thuận được xác lập qua trao đổi giữa các bên bằng telegram, fax, telex, thư điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Ba là, thỏa thuận được xác lập thông qua trao đổi thông tin bằng văn bản giữa các bên.

Bốn là, thỏa thuận được luật sư, công chứng viên hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi chép lại bằng văn bản theo yêu cầu của các bên.

Năm là, trong giao dịch các bên có dẫn chiếu đến một văn bản có thể hiện thỏa thuận trọng tài như hợp đồng, chứng từ, điều lệ công ty và những tài liệu tương tự khác.

Sáu là, qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ mà trong đó thể hiện sự tồn tại của thỏa thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận.

2.1.1.5. Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu

Thỏa thuận trọng tài là sự thể hiện ý chí của các bên muốn được giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài. Khi đã là thỏa thuận thì cần phải có sự tự nguyện của các bên trong quá trình xác lập. Chính vì vậy, ý chí của các bên là yếu tố mang tính chất quyết định, ảnh hưởng lớn đến hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài được xác lập dựa trên sự lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép thì thỏa thuận đó sẽ bị coi là vô hiệu. “Tự nguyện thiết lập và ký kết thỏa thuận trọng tài là nguyên tắc được pháp luật các nước quy định, nhằm loại bỏ những thỏa thuận trọng tài được các bên ký kết do dùng bạo lực, bị lừa đảo hoặc do các bên nhầm lẫn khi ký kết thỏa thuận trọng tài”. Dưới góc độ luật thực định khoản 5 Điều 18 Luật Trọng tài thương mại quy định thỏa thuận trọng tài sẽ vô hiệu khi: “Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu”. Như vậy, so với Pháp lệnh năm 2003, Luật Trọng tài thương mại đã bổ sung thêm một căn cứ để xác định thỏa thuận trọng tài vô hiệu đó là “cưỡng ép” và nếu so với Pháp lệnh năm 2003 thì điều kiện để coi một thỏa thuận trọng tài là vô hiệu trong trường hợp này còn 2 điều kiện, bớt đi một điều kiện so với Pháp lệnh. Cụ thể là: (i) Một trong các bên bị rơi vào một trong các trường hợp bị lừa dối, bị đe dọa, bị cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và (ii) Chủ thể bị

roi vào những trường hợp nêu trên phải có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu.

Về căn cứ tại Khoản 5, Điều 18 Luật TTTM năm 2010 có ý kiến cho rằng: Luật Trọng tài chỉ đề cập đến hai khuyết tật của sự ưng thuận là đe dọa và lừa dối; không thấy đề cập đến “nhầm lẫn” trong khi đó khả năng nhầm lẫn có thể xảy ra. Cũng theo quan điểm trên đây “vì thỏa thuận trọng tài là một giao dịch dân sự nên các quy định về giao dịch dân sự cũng được áp dụng. Do đó, bên bị nhầm lẫn có thể yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu trên cơ sở của Bộ luật dân sự về giao dịch dân sự vô hiệu do nhầm lẫn”. Tác giả luận văn đồng tình với quan điểm này, bởi lẽ, ở thời điểm hiện tại, khi mà Luật Trọng tài thương mại chưa quy định “nhầm lẫn” cũng là một trong những căn cứ để một bên yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì việc dẫn chiếu này là cần thiết.

2.1.1.6. Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật

Ngoài các lý do trên, thỏa thuận trọng tài có thể bị tuyên bố vô hiệu vì các lý do khác như: “Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật” (Khoản 6, Điều 18 Luật TTTM năm 2010). Về kỹ thuật lập pháp, đây là một quy định mới của Luật TTTM năm 2010 so với PLTTM trước đây. Trên cơ sở Luật TTTM thì Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP đã đưa ra hướng dẫn như sau: “*Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật*” quy định tại khoản 6 Điều 18 Luật TTTM là thỏa thuận thuộc trường hợp quy định tại Điều 128 của Bộ luật dân sự”. Theo quy định tại Điều 128 BLDS năm 2005 trước đây và Điều 123 BLDS năm 2015 thì: “Điều cấm của luật là những quy định của luật không cho phép chủ thể thực hiện những hành vi nhất định”. Có thể thấy, quy định của Bộ luật dân sự về điều cấm của pháp luật nhưng vẫn còn rất chung chung.

2.2.1. Thực trạng quy định về thẩm quyền tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu

2.2.1.1. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài

Pháp luật Việt Nam ghi nhận khá cụ thể thẩm quyền của TTTM trong việc xác định thẩm quyền của mình. Đây là một nguyên tắc cơ bản về trọng tài, theo đó TTTM có thẩm quyền xem xét, quyết định về thẩm quyền của mình. Dưới góc độ pháp lý trước đây, Khoản 1, Điều 30 Pháp lệnh TTTM năm 2003 quy định: “Trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, nếu có đơn khiếu nại của một bên về việc HĐTT không có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp; vụ tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu, HĐTT phải xem xét, quyết định với sự có mặt của các bên, trừ trường hợp các bên có yêu cầu khác”.

Hiện nay, quyền xác định thẩm quyền của TTTM cũng được nhà làm luật tiếp tục ghi nhận trong Luật TTTM năm 2010 theo hướng như sau: “Trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, HĐTT phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài; thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền của mình”. Khi xem xét các vấn đề được nêu ở đây, thực chất là HĐTT xem xét chính thẩm quyền của mình vì hiệu lực của thỏa thuận trọng tài cũng

như thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không liên quan trực tiếp tới việc HĐTT có thẩm quyền hay không. Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện HĐTT vượt quá thẩm quyền, các bên có thể khiếu nại với HĐTT. HĐTT có trách nhiệm xem xét, quyết định (khoản 2 Điều 43 Luật TTTM năm 2010).

* **Quyền, nghĩa vụ xem xét của HĐTT:** Dưới góc độ pháp lý, Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 trước đây quy định: HĐTT “phải xem xét, quyết định” với điều kiện là “nếu có đơn khiếu nại của một bên về việc HĐTT không có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp; vụ tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu”. Ngày nay, Luật trọng tài thương mại đã không nhắc lại điều kiện này. Vấn đề đặt ra là trong mọi trường hợp HĐTT “phải xem xét, quyết định” về vấn đề thẩm quyền của mình khi áp dụng Luật trọng tài thương mại? Thiết nghĩ, chúng ta cần phải kết hợp với quy định của Điều 35 về bản tự bảo vệ. Điều luật này quy định “Trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ” (khoản 4 Điều 35). Do vậy, nếu bị đơn không có bản tự bảo vệ hay có bản tự bảo vệ mà không có phản đối thẩm quyền của trọng tài thông qua việc cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì HĐTT không “phải xem xét, quyết định”. Trong trường hợp này Hội đồng không có nghĩa vụ “xem xét, quyết định” mà đây là quyền của HĐTT.

Trước đây, HĐTT xem xét và quyết định về “việc HĐTT không có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp; vụ tranh chấp không có thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu”. Hiện nay, ngoài những vấn đề vừa nêu, HĐTT còn xem xét, quyết định cả về việc “thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”.

* **Quyết định của HĐTT về thẩm quyền:** Trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì HĐTT tiến hành giải quyết tranh chấp (khoản 1 Điều 43). Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì HĐTT quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo ngay cho các bên (khoản 1 Điều 43).

Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 43: “trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện HĐTT vượt quá thẩm quyền, các bên có thể khiếu nại với HĐTT” Luật chỉ quy định “HĐTT có trách nhiệm xem xét, quyết định” nhưng lại không cho biết hướng HĐTT quyết định. Trong trường hợp này, HĐTT sẽ quyết định không giải quyết đối với phần vượt quá và tiếp tục giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

2.2.1.2. *Thẩm quyền của Tòa án*

* **Quyền khiếu nại đối với quyết định của HĐTT:** Trong trường hợp không đồng ý với quyết định của HĐTT như đã trình bày ở trên, “trong thời hạn

05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của HĐTT, các bên có quyền gửi đơn yêu cầu tòa án có thẩm quyền xem xét lại quyết định của HĐTT” (khoản 1 Điều 44 Luật trọng tài thương mại).

* **Thẩm quyền xem xét khiếu nại của tòa án:** Vấn đề tiếp theo cần phải biết là tòa án nào có thẩm quyền xem xét quyết định của HĐTT về thẩm quyền của HĐTT. Theo Pháp lệnh trọng tài thương mại, tòa án có thẩm quyền xem xét là “tòa án cấp tỉnh nơi HĐTT đã ra quyết định” (khoản 2 Điều 30). Ngày nay, việc xác định tòa án có thẩm quyền cần phải căn cứ vào Điều 7 Luật trọng tài thương mại.

* **Thủ tục, trình tự xét đơn:** Ở đây, tòa án không tự mình can thiệp ngay từ đầu để xem xét thẩm quyền của HĐTT cũng như hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Tòa án chỉ can thiệp khi có đơn yêu cầu sau khi HĐTT ra quyết định về thẩm quyền của mình. Trong thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật TTTM, Thẩm phán phải xem xét, ra quyết định giải quyết khiếu nại. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra Quyết định giải quyết khiếu nại, Tòa án gửi quyết định cho các bên, HĐTT, Trọng tài viên, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

* **Nội dung quyết định của tòa án:** Sau khi xét đơn, tòa án sẽ phải ra quyết định, theo 2 hướng như sau: Thứ nhất, Trường hợp Tòa án xác định thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì xử lý như sau: (i) Trường hợp HĐTT đã ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ việc thì các bên có quyền thỏa thuận, lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp. (ii) Trường hợp vụ việc đang được HĐTT tiến hành giải quyết tranh chấp thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án, HĐTT phải ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp theo quy định tại khoản 6 Điều 44 Luật TTTM. (iii) Trường hợp HĐTT đã ra phán quyết trọng tài thì một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài theo thủ tục chung. Thứ hai, Trường hợp Tòa án xác định vụ tranh chấp thuộc thẩm quyền của HĐTT, có thỏa thuận trọng tài không vô hiệu thì xử lý như sau: (i) Trường hợp HĐTT đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án, HĐTT tiếp tục thụ lý, giải quyết tranh chấp theo thủ tục chung. (ii) Trường hợp HĐTT đã ra phán quyết trọng tài thì một hoặc các bên có quyền yêu cầu thì hành phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài hoặc yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài theo thủ tục chung. (iii) Trường hợp vụ việc đang được HĐTT tiến hành giải quyết tranh chấp thì HĐTT tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

* **Hiệu lực của quyết định của tòa án:** Khi tòa án ra quyết định của mình về thẩm quyền của HĐTT theo trình tự và thủ tục nêu trên, theo pháp luật hiện hành, “quyết định của tòa án là cuối cùng” (khoản 4 Điều 44).

2.1.3. Thực trạng quy định về hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu

2.1.3.1. Vô hiệu hoá thẩm quyền của trọng tài

Về mặt pháp lý, Thỏa thuận trọng tài vô hiệu sẽ dẫn đến hậu quả là vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Trọng tài. Nếu các bên tranh chấp không thỏa thuận lại về thỏa thuận trọng tài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo thủ tục chung, có nghĩa là các bên tranh chấp có thể thương lượng với nhau hoặc hòa giải hoặc đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án. Theo đó, khi xem xét thụ lý đơn kiện, nếu có cơ sở để khẳng định thỏa thuận trọng tài vô hiệu thì tổ chức trọng tài từ chối thụ lý vụ việc. Trường hợp các bên không xác lập được một thỏa thuận trọng tài mới có hiệu lực thì một bên tranh chấp có thể khởi kiện vụ việc ra Tòa án.

2.1.3.2. Đình chỉ giải quyết tranh chấp

Theo quy định của Luật TTTM năm 2010, trong quá trình HĐTT giải quyết tranh chấp mà phát hiện thỏa thuận trọng tài vô hiệu và các bên tranh chấp không đạt được thỏa thuận trọng tài mới có hiệu lực thì HĐTT ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ việc. Khoản 2, Điều 59 Luật TTTM năm 2010 quy định: “HĐTT ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trường hợp HĐTT chưa được thành lập thì Chủ tịch Trung tâm trọng tài ra quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp”. Như vậy, có 2 chủ thể có quyền ban hành quyết định đình chỉ vụ tranh chấp là HĐTT và chủ tịch trung tâm trọng tài tùy thuộc vào tiến độ của tố tụng trọng tài. Thực tế, không hiếm trường hợp sau khi nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện trong khi HĐTT vẫn chưa được thành lập (như chưa bầu được chủ tịch HĐTT). Trường hợp này, chủ tịch trung tâm trọng tài ra quyết định đình chỉ.

2.1.3.4. Hủy phán quyết trọng tài

Theo quy định của Điều 69 Luật TTTM năm 2010 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh được rằng HĐTT đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật TTTM thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài. Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài phải kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hủy phán quyết trọng tài là có căn cứ và hợp pháp. Khi nhận được đơn yêu cầu, Tòa án kiểm tra đơn yêu cầu có thuộc thẩm quyền? Người yêu cầu đã cung cấp đủ các tài liệu phải kèm theo đơn yêu cầu? Đơn yêu cầu có nằm trong thời hạn luật định? Nếu việc thuộc thẩm quyền nhưng giấy tờ, tài liệu cung cấp chưa đầy đủ thì phải hướng dẫn ngay để người yêu cầu kịp thời bổ sung. Khi đơn yêu cầu đã đáp ứng được đầy đủ thì phải tiến hành thụ lý. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu hủy PQTT, Tòa án phải thông báo ngay cho trung tâm trọng tài hoặc các trọng tài viên của HĐTT vụ việc các bên tranh chấp và viện kiểm sát cùng cấp.

2.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu ở Việt Nam

2.2.1. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về thẩm quyền tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Trong thực tế không hiếm trường hợp các bên có thỏa thuận trọng tài nhưng thỏa thuận này không có hiệu lực pháp luật vào thời điểm các bên có

tranh chấp. Dưới góc độ pháp lý, trước đây Điều 5 Pháp lệnh trọng tài thương mại quy định: “Trong trường hợp vụ tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài, nếu một bên khởi kiện tại tòa án thì tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu”. Như vậy, theo điều luật này, trong “trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu” thì tòa án có quyền thụ lý giải quyết vụ việc. Điều đó có nghĩa là khi được yêu cầu tòa án không từ chối thụ lý mà giải quyết tranh chấp giữa các bên. Hiện nay, tương tự như vậy, theo Điều 6 Luật trọng tài thương mại: “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại tòa án thì tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu”. Với quy định này thì khi một bên yêu cầu tòa án giải quyết mặc dù có thỏa thuận trọng tài thì tòa án không từ chối thụ lý và giải quyết tranh chấp khi thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Thực tế, hướng giải quyết như trên đã tồn tại ở Việt Nam trước khi có Pháp lệnh trọng tài thương mại. Ví dụ: Trong vụ Công ty Kolon (Hàn Quốc) bán cho Công ty Vinafood (Việt Nam) một số lượng phân bón, các bên có thỏa thuận trong hợp đồng như sau: “trong quá trình thực hiện hợp đồng này, tất cả những tranh chấp không được sự thỏa thuận hữu nghị của hai bên sẽ được giải quyết bởi Trung tâm Trọng tài quốc tế ở Hà Nội theo quy định của Phòng Thương mại quốc tế”. Các bên có tranh chấp và Kolon khởi kiện ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam nhưng ngày 02-5-1998, trung tâm trọng tài này trả lời “không thể thụ lý vụ kiện vì điều khoản trọng tài mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng không phù hợp với điều lệ và quy tắc tổ tụng của Trung tâm”.

2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về căn cứ xác định thoả thuận trọng tài vô hiệu

Thứ nhất, tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài (Khoản 1, Điều 18 Luật TTTM năm 2010). Trong thực tế, đã có tranh chấp về việc xác định này nhưng tòa án dường như rất “thoảng” trong việc xác định yếu tố này. Chẳng hạn, Tổng công ty vật tư nông nghiệp chuyển nhượng cho Công ty cổ phần vật tư nông sản 20.000.000 cổ phiếu của mình trong Công ty cảng Đình Vũ. Sau đó đôi bên có tranh chấp và phía Tổng công ty vật tư nông nghiệp cho rằng “không phải là tranh chấp về hành vi thương mại theo quy định tại Luật thương mại.

Thứ hai, người xác lập thoả thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Khoản 2 Điều 18 Luật TTTM năm 2010). Thực tiễn xét xử cho thấy, tại thời điểm PLTTTM năm 2003 có hiệu lực thi hành và Luật TTTM năm 2010 hiện nay, khi xảy ra tranh chấp bên bị thua kiện thường viện dẫn căn cứ tại Khoản 2 Điều 18 Luật TTTM năm 2010 để yêu cầu Tòa án tuyên bố thỏa thuận trọng tài vô hiệu do người xác lập thoả thuận trọng tài không có thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền, từ đó là căn cứ để huỷ phán quyết trọng tài.

Thứ ba, người xác lập thoả thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự (Khoản 3 Điều 18 Luật TTTM năm 2010). Về kỹ thuật lập pháp, trước đây Pháp lệnh năm 2003 và Nghị quyết số 05/2003 và hiện nay Luật trọng tài thương mại và Nghị quyết số 01/2014 chỉ đề cập đến

trường hợp người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ thì thỏa thuận trọng tài vô hiệu mà chưa đề cập trường hợp bên xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực pháp luật dân sự. Điều này đã dẫn đến những lúng túng trong quá trình xét xử.

2.2.3. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về hậu quả pháp lý của thỏa thuận trọng tài vô hiệu

Theo Luật TTTM quy định về hủy phán quyết trọng tài khá chặt chẽ và cụ thể, các quy định về trọng tài nói chung và hủy phán quyết trọng tài nói riêng theo Luật TTTM tương đối tiến bộ và phù hợp hơn với Luật TTTM của nhiều nước trên thế giới. Mặc dù trọng tài thương mại là một phương thức giải quyết tranh chấp nhanh gọn có nhiều ưu điểm song không ít ý kiến cho rằng họ e ngại việc phán quyết của trọng tài bị Tòa án hủy. Theo đại diện Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) cho biết từ năm 2003 đến năm 2011 có 26 vụ yêu cầu Tòa án hủy trong đó chỉ có 9 phán quyết bị hủy chiếm 34,6% tổng số vụ tranh chấp yêu cầu hủy. Từ năm 2011 đến năm 2014, tức từ khi Luật trọng tài thương mại 2010 có hiệu lực, có 20 yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) thì có đến 10 phán quyết được Tòa án chấp nhận hủy, chiếm 50% trong tổng số vụ tranh chấp yêu cầu Tòa án hủy. Thực tế số phán quyết trọng tài bị hủy có thể còn nhiều hơn con số thống kê bởi vì có một số phán quyết trọng tài bị hủy mà VIAC không biết do không được thông báo. Việc số lượng phán quyết trọng tài bị Tòa án tuyên hủy tăng khá nhiều khiến cho không chỉ cộng đồng doanh nghiệp hoang mang mà ngay chính các Trọng tài viên cũng “đứng ngồi không yên”. Bởi tình trạng phán quyết trọng tài bị hủy diễn ra quá nhiều, nhiều Trọng tài viên lo lắng việc “xử mà không biết phán quyết có bị hủy hay không”. Đây là một hiện tượng khá bất thường, vì Luật TTTM ra đời là để tạo hành lang pháp lý để phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài phát triển nhưng thực tế lại cho thấy một xu hướng ngược lại do số phán quyết trọng tài lại bị tuyên hủy nhiều hơn so với giai đoạn trước.

Tiểu kết chương 2

Một trong những ưu điểm của giải quyết tranh chấp của trọng tài là khả năng thi hành của phán quyết trọng tài bởi phán quyết của trọng tài Việt Nam sẽ được thi hành tương tự như bản án của tòa án tại Việt Nam và hơn thế khả năng thi hành tại 155 quốc gia thành viên khác của Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài. Dưới góc độ pháp lý thì Luật TTTM năm 2010 đã quy định về thỏa thuận trọng tài khá chặt chẽ và cụ thể, các quy định về thỏa thuận trọng tài nói chung và thỏa thuận trọng tài vô hiệu nói riêng tương đối tiến bộ và phù hợp hơn với Luật TTTM của nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, bên cạnh đó pháp luật Việt Nam vẫn còn tồn tại những bất cập nhất định. Để khắc phục những bất cập này, chúng ta cần tham khảo kinh nghiệm cũng như xem xét quy định của pháp luật các nước về vấn đề này để tạo cơ sở cho việc xây dựng pháp luật về thỏa thuận trọng tài nói chung và

thỏa thuận trọng tài vô hiệu nói riêng của Việt Nam ngày càng hoàn thiện và hài hòa với pháp luật thế giới.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THỎA THUẬN TRỌNG TÀI VÔ HIỆU

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu đáp ứng yêu cầu hoàn thiện pháp luật trọng tài thương mại

Trong những năm gần đây việc sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp thương mại ngày càng phổ biến tại Việt Nam, thể hiện không chỉ qua số lượng các vụ tranh chấp được giải quyết mà còn qua sự đa dạng của các lĩnh vực tranh chấp. Thật vậy, tính từ sau khi Luật trọng tài thương mại năm 2010 có hiệu lực đến năm 2014 tổng số vụ tranh chấp được giải quyết tại các trung tâm trọng tài tại Việt Nam là 879 vụ. Riêng với trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam là 370 vụ, gần bằng tổng số vụ kiện được giải quyết tại trung tâm 10 năm trước đó. Đặc biệt, trong năm 2014, số lượng vụ việc được giải quyết bằng trọng tài đã đạt đến con số kỷ lục là 124 vụ và không chỉ dừng lại ở những tranh chấp từ hợp đồng mua bán hàng hóa, doanh nghiệp còn tin tưởng giải quyết tranh chấp trên nhiều lĩnh vực khác như bảo hiểm, công nghệ thông tin, xây dựng, phân phối, đại lý, năng lượng. Một trong những ưu điểm của giải quyết tranh chấp của trọng tài là khả năng thi hành của phán quyết trọng tài bởi phán quyết của trọng tài Việt Nam sẽ được thi hành tương tự như bản án của tòa án tại Việt Nam và hơn thế khả năng thi hành tại 155 quốc gia thành viên khác của Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về thỏa thuận trọng tài vô hiệu nhằm tạo sự tương thích, phù hợp và đồng bộ với thông lệ quốc tế

Nhìn lại hoạt động xây dựng pháp luật kinh tế của nước ta sau hơn 30 năm đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế cho thấy Việt Nam đã tham gia và cam kết thực hiện nhiều quy định luật pháp quốc tế cũng như hoàn thiện, bổ sung hệ thống pháp luật phù hợp với cam kết hội nhập. Trong lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã hội nhập ở các cấp độ và hình thức khác nhau như tham gia các thỏa thuận thương mại ưu đãi, các hiệp định thương mại tự do, các liên minh thuế quan, tham gia thị trường chung. Việc ký kết nhiều hiệp định song phương và đa phương về thương mại, đầu tư đặc biệt là việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã tạo cơ sở pháp lý và tiền đề, điều kiện quan trọng về thể chế để nền kinh tế nước ta hội nhập ngày càng sâu rộng và toàn diện vào nền kinh tế quốc tế; để pháp luật trong nước phù hợp và tương thích với pháp luật quốc tế; đồng thời, đảm bảo tính quốc tế của sự phát triển kinh tế thị trường của Việt Nam.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu

3.2.1. Hoàn thiện quy định về căn cứ xác định thoả thuận trọng tài vô hiệu

Thứ nhất, căn cứ “Người xác lập thoả thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” (Khoản 2 Điều 18 Luật TTTM năm 2010). Thứ hai, căn cứ “Người xác lập thoả thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự” (Khoản 3 Điều 18 Luật TTTM năm 2010). Thứ ba, căn cứ ”Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thoả thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài đó là vô hiệu” (Khoản 5, Điều 18 Luật TTTM năm 2010).

3.2.2. Hoàn thiện quy định pháp luật về thẩm quyền tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu

Khi phát hiện thoả thuận trọng tài vô hiệu, lúc này ai có quyền yêu cầu cơ quan tài phán (Tòa án, Trọng tài) tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu? Theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Luật Trọng tài thương mại thì một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép có quyền yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu. Tức là một trong các chủ thể có quyền và lợi ích bị xâm phạm trong quá trình xác lập thoả thuận trọng tài có quyền yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu. Vậy câu hỏi đặt ra là đối với trường hợp thoả thuận trọng tài được xác lập bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân, tổ chức... mà có vi phạm dẫn đến thoả thuận trọng tài bị vô hiệu nhưng những người đại diện nêu trên không phát hiện ra hoặc phát hiện ra nhưng không tiến hành yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu thì ai là chủ thể có quyền yêu cầu tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu. Do đó, theo tác giả để bảo vệ quyền lợi chính đáng của bên thứ ba liên quan đến hợp đồng (trong đó có điều khoản trọng tài), trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của nước ngoài, thiết nghĩ Luật trọng tài thương mại nước ta nên bổ sung quy định cho phép người thứ ba không phải là một bên tham gia xác lập thoả thuận trọng tài nhưng có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng (trong đó có điều khoản trọng tài) khi phát hiện thoả thuận trọng tài vô hiệu cũng được quyền yêu cầu cơ quan tài phán (Tòa án, Trọng tài) tuyên bố thoả thuận trọng tài vô hiệu.

3.2.3. Hoàn thiện quy định về hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài vô hiệu

Thực tế cho thấy, có những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có những sai lầm. Để khắc phục, sửa chữa những sai lầm, bảo vệ một cách tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự, BLTTDS quy định thủ tục xem xét lại bản án hiệu lực pháp luật và một trong hai phương thức xem xét lại quyết định lại bản án, quyết định này là thủ tục giám đốc thẩm. Như vậy, vấn đề đặt ra quyết định hủy phán quyết trọng tài có nên được giám đốc thẩm hay không? Theo tác giả, tới đây cần chỉnh sửa quy định theo hướng cho phép giám đốc thẩm quyết định của Tòa án để tránh trường hợp Tòa án tùy tiện hủy phán quyết của trọng tài. Trong khi chưa sửa đổi quy định, giải pháp tình thế từ kinh nghiệm của nước ngoài là: Khi được yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, Tòa án tỉnh phải

báo cáo lên Tòa án tối cao và đề xuất hướng xử lý của mình để Tòa án tối cao thẩm định. Tòa án tối cao trả lời thế nào thì Tòa án tỉnh giải quyết thế đó. Cách này có thể hạn chế sự tùy tiện, không thống nhất của các Tòa án tỉnh.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu

3.3.1. Nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán

Thứ nhất, tăng cường và đổi mới công tác đào tạo nguồn Thẩm phán. Theo đó, cần đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo hướng tới mục tiêu Thẩm phán phải vững vàng về chuyên môn, giỏi về kỹ năng, có kiến thức về tin học, ngoại ngữ, pháp luật quốc tế, có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và bản lĩnh, có phong cách nghề, có tinh thần dũng cảm, dám đấu tranh cho sự công bằng, bảo vệ công lý.

Thứ hai, hệ thống tòa án cần có tòa án chuyên trách với đội ngũ thẩm phán chuyên sâu về lĩnh vực trọng tài. Thực tiễn cho thấy, một số quyết định của HĐTT bị vô hiệu hoá bởi lý do thoả thuận trọng tài vô hiệu được đưa ra bởi các thẩm phán không tiếp xúc nhiều với thực tiễn hoạt động trọng tài và những lĩnh vực liên quan tranh chấp thương mại. Đồng thời, Tòa án nhân dân Tối cao cần xây dựng cơ quan giám sát việc thực thi phán quyết trọng tài và đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ của tòa án đối với TTTM.

3.3.2. Nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Trọng tài viên

Các Trọng tài viên cần nhận thức được rằng việc phán quyết trọng tài được thi hành phụ thuộc rất nhiều vào năng lực nghề nghiệp của HĐTT. Nếu HĐTT thực hiện đúng thẩm quyền của mình và thực hiện theo đúng thoả thuận hay quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng thì bên thua kiện sẽ rất khó để tìm ra chứng cứ để phản bác. Tuy nhiên, trên thực tế, các Trọng tài viên vẫn thường mắc phải những sai sót trong quá trình tiến hành tố tụng, vi phạm các thủ tục tố tụng không đáng có khiến cho phán quyết trọng tài bị vô hiệu hoá. Do đó, để hạn chế những sai sót trong quá trình giải quyết tranh chấp, về trọng tài viên cần có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trọng tài viên như sau: *Thứ nhất*, Cần có các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trọng tài viên hàng năm. *Thứ hai*, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của trọng tài thương mại theo hướng tăng cường năng lực quản lý, điều hành của các Trung tâm trọng tài; có chính sách thu hút đội ngũ trọng tài viên quốc tế và các chuyên gia, luật sư trong nước giỏi về chuyên môn, thành thạo ngoại ngữ tham gia giải quyết tranh chấp trọng tài. *Thứ ba*, nghiên cứu, triển khai quy định của Luật trọng tài thương mại về việc thành lập Hiệp hội trọng tài thương mại nhằm tập hợp đội ngũ trọng tài viên toàn quốc trong việc xây dựng, ban hành và triển khai Bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của Trọng tài viên; thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trọng tài, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn tố tụng trọng tài, tổ chức đào tạo đội ngũ trọng tài viên, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiểu kết Chương 3

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu vẫn phát sinh một số vướng mắc, bất cập cần tiếp tục hoàn thiện. Với tư cách là một chế định của pháp luật về trọng tài thương mại, do đó hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại vô hiệu trước hết phải đáp ứng yêu cầu hoàn thiện pháp luật trọng tài thương mại. Bên cạnh đó, hoàn thiện pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu phải trên cơ sở tạo sự tương thích, phù hợp và đồng bộ với thông lệ quốc tế. Để hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại vô hiệu thì trong tương lai các nhà lập pháp cần chú trọng đến việc hoàn thiện các nội dung về căn cứ, thẩm quyền và hậu quả pháp lý của thoả thuận trọng tài vô hiệu. Bên cạnh đó, để từng bước góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu thì cũng cần tăng cường triển khai các giải pháp để nhận thức, trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán và trọng tài viên.

KẾT LUẬN

Trọng tài là một trong những phương pháp giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án hiệu quả và ngày càng được ưa chuộng hiện nay cũng như trong tương lai. Điều này xuất phát từ những ưu điểm mà nó mang lại. Dường như nó là sự kết hợp khéo léo và linh hoạt của phương thức Tòa án và các phương thức giải quyết tranh chấp khác như: trung gian, hòa giải, thương lượng,... Tuy nhiên, Trọng tài chỉ có thể phát sinh thẩm quyền khi tồn tại một thỏa thuận trọng tài hợp pháp (nói cách khác là tồn tại một thỏa thuận trọng tài có hiệu lực pháp lý). Do đó, có thể nói, thỏa thuận trọng tài là điều kiện tiên quyết trong tố tụng Trọng tài. Quá trình tố tụng trọng tài có được phát sinh và diễn ra suôn sẻ hay không là phụ thuộc vào hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Thỏa thuận trọng tài có thể trở thành “hòn đá tảng”, cũng có thể là “tấm thẻ thông hành” cho các bên khi muốn đưa tranh chấp ra giải quyết tại Trọng tài. Do đó, khi xác lập thỏa thuận trọng tài, các bên phải đặc biệt chú ý tới các điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài nếu mong muốn ý chí và nguyện vọng của mình được bảo đảm thi hành.

Mục tiêu quan trọng nhất của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 là tạo một cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án thuận lợi cho các bên tham gia các hoạt động thương mại - đầu tư, khuyến khích việc giải quyết tranh chấp thông qua hệ thống Trọng tài, qua đó góp phần giảm tải công việc cho hệ thống Tòa án quốc gia. Tuy nhiên, theo thống kê của VIAC, thì hiện nay số vụ tranh chấp thương mại được giải quyết bằng Trọng tài hiện chỉ chiếm chưa đến 1% còn lại trên 99% vẫn được giải quyết tại Tòa án. Điều này cho thấy mục tiêu khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại vẫn chưa được như mong đợi. Những điều này một phần xuất phát từ chính những quy định pháp luật về thoả thuận trọng tài vô hiệu trong Luật Trọng tài thương mại năm

2010 còn nhiều bất cập, thiếu tính khả thi và nhiều quy định còn thiếu, chưa đáp ứng kịp thời tình hình mới.

Do đó, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, đòi hỏi về sự hoàn thiện hành lang pháp lý về trọng tài nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các nhà kinh doanh là vô cùng cấp thiết. Thoả thuận trọng tài vô hiệu cần có những sự xem xét, phát hiện ra những khiếm khuyết từ đó sửa đổi bổ sung phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền nâng cao ý thức, hiểu biết của các doanh nghiệp về phương thức trọng tài cũng như nâng cao năng lực, kiến thức, đạo đức của các trọng tài viên. Có như vậy, trọng tài mới có thể làm mới mình, hoàn thiện mình để sớm trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phổ biến, được các nhà kinh doanh tin dùng ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alan Redfern & Martin Hunter (2004), Pháp luật và thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế, (Bản dịch tiếng Việt của VCCI và VIAC), NXB Sweet & Maxwell, Luân Đôn.
2. Hoàng An (2010), “Thỏa thuận trọng tài nền tảng của phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (Số chuyên đề về Pháp luật trọng tài thương mại).
3. Lê Thị Phương Anh (2019), “Thỏa thuận trọng tài theo pháp luật về trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay”, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội năm 2019
4. Phạm Tuấn Anh (2010), “Vai trò của Tòa án trong tố tụng trọng tài thương mại và trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, (Số chuyên đề pháp luật về Trọng tài thương mại).
5. Trần Duy Bình (2012), “Thực tiễn và một số kiến nghị nhằm bảo đảm thực hiện nguyên tắc "khi xét xử, thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật", Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 11.
6. Mai Bộ (2014), “Nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự”, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 23 Dương Cầm (2019), “Hạn chế trong thi hành phán quyết trọng tài”, Báo điện tử Đại biểu nhân dân, [<http://www.daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=81&NewsId=358631>]
7. Nguyễn Văn Cường (2005), Giao dịch dân sự vô hiệu và việc giải quyết hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu : luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
8. Ngô Cường (2018), “Tố tụng tranh tụng và tố tụng xét hỏi“, Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử, [<https://tapchitoaan.vn/bai-viet/nhin-ra-nuoc-ngoai/to-tung-tranh-tung-va-to-tung-xet-hoi>].

9. Nguyễn Thị Dung, Lê Hương Giang (2011), Bình luận một số nội dung mới trong Luật trọng tài thương mại năm 2010, Tạp chí Luật học, Số 6/2011.

10. Cao Thùy Dương (2004), Những vấn đề lý luận và thực tiễn về xử lý hợp đồng vô hiệu ở Việt Nam: luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

11. Bùi Thị Dung (2016), Thỏa thuận trọng tài thương mại theo pháp luật Việt Nam, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Mở Hà Nội.

12. Vũ Ánh Dương (2009), Dự án luật trọng tài thương mại và sự tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 14 (151).

13. Đỗ Văn Đại và Trần Hoàng Hải (2011), Pháp luật Việt Nam về Trọng tài thương mại, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Đỗ Văn Đại, Mai Hồng Quỳnh (2010), “Tur pháp Quốc tế Việt Nam - Quan hệ dân sự, lao động, thương mại có yếu tố nước ngoài”, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

15. Đỗ Văn Đại (2016), Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật dân sự năm 2015, Nxb. Hồng Đức - Hội luật gia Việt Nam.

16. Đỗ Văn Đại (2018), Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam - Bản án và bình luận bản án, Tập 1, Nxb. Hồng Đức.

17. Mai Đan (2018), “Số vụ giải quyết qua trọng tài vẫn chưa tạo được nhiều kỳ vọng”, Thời báo Tài chính Việt Nam, [<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/xa-hoi/2018-06-07/so-vu-giai-quyet-qua-trong-tai-van-chua-tao-duoc-nhieu-ky-vong-58411.aspx>].

18. Phạm Thị Hồng Đào (2017), “Công nhận, cho thi hành bản án, quyết định của tòa án, phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam”, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư Pháp, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2235>].

19. Nguyễn Minh Đoan và Nguyễn Văn Năm, 2021, Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, NXB Tư pháp, Hà Nội.

20. Bùi Thị Thu Huyền (2010), Hợp đồng dân sự vô hiệu do vi phạm điều kiện về ý chí chủ thể: luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

21. Phan Chí Hiếu (2003), Hiệu lực của hợp đồng và hợp đồng vô hiệu, trích cuốn sách: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp đồng ở Việt Nam hiện nay, NXB Công an nhân dân.

22. Trương Thị Hà (2018), Hiệu lực của thỏa thuận trọng tài theo pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam hiện nay, Luận văn thạc sĩ, Học viện khoa học xã hội.

23. LS Nguyễn Văn Hậu (2019), “Phát huy vai trò trọng tài trong nền kinh tế”, Báo Sài gòn giải phóng, [<https://www.sggp.org.vn/phan-huy-vai-tro-trong-tai-trong-nen-kinh-te-612039.html>].

24. Phan Thị Thu Hằng (2018), “Hoàn thiện xây dựng pháp luật kinh tế trong bối cảnh Việt Nam tăng cường hội nhập quốc tế”, Tạp chí Tài chính, Số 688.

25. Nguyễn Vũ Hoàng (2014), Chế định thỏa thuận trọng tài dưới góc độ pháp luật so sánh - Thực tiễn các nước và Việt Nam, Tạp chí Nghề luật, Số 1.

26. Nguyễn Ngọc Lâm (2007), Tư pháp quốc tế - Phần 2: Một số chế định cơ bản, tố tụng Tòa án và Trọng tài, NXB Phương Đông, Tp.Hồ Chí Minh.

27. Nguyễn Ngọc Lâm (2007), “Tư pháp quốc tế - phần 2: Một số chế định cơ bản, tố tụng Toà án và Trọng tài”, NXB Phương Đông, Hồ Chí Minh.

28. Nguyễn Ngọc Lâm (2014), Giải quyết tranh chấp hợp đồng thương mại quốc tế: Nhận dạng tranh chấp, biện pháp ngăn ngừa và phương pháp giải quyết, Nxb. Chính trị Quốc gia.

29. Hoàng Thế Liên (2010), Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2005, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia.

30. Hoàng Thế Liên (2008), Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2005, Nxb. Chính trị Quốc gia.

31. Tưởng Duy Lượng (2016), Bình luận Bộ luật tố tụng dân sự, Luật trọng tài thương mại và thực tiễn xét xử, Nxb. Tư pháp.

32. Tưởng Duy Lượng (2016), “Những nội dung cơ bản về thủ tục giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc”, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 10+11.

33. Tưởng Duy Lượng (2017), “Thỏa thuận trọng tài vô hiệu, một căn cứ hủy phán quyết trọng tài”, Tạp chí Tòa án nhân dân, Số 1.

34. Phan Thị Lương (2017), “Địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng dân sự trước yêu cầu cải cách tư pháp”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

35. Trần Việt Long (2016), “Những vấn đề pháp lý về tự do lựa chọn trọng tài viên và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ trọng tài viên ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Nghề luật, Số 4.

36. Nguyễn Bích Ngọc (2015), “Hủy phán quyết trọng tài: Nguyên nhân từ năng lực thẩm phán”, [<https://enternews.vn/huy-phan-quyet-trong-tai-nguyen-nhan-tu-nang-luc-tham-phan-92281.html>].

37. Nguyễn Thị Thanh Nhã (2019), “Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về hợp đồng thương mại vô hiệu do giao kết không đúng thẩm quyền - Kinh nghiệm các nước thành viên Liên Minh Châu Âu, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Trách nhiệm dân sự và hợp đồng: Kinh nghiệm của Việt Nam và Liên minh châu Âu, Trường Đại học Luật Đại học Huế.

38. Nguyễn Thanh Phong (2019), “Thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài thương mại nước ngoài”, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, tr.19.

39. Lê Văn Sua (2015), “Một số bất cập quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010, kiến nghị hoàn thiện”, Cổng thông tin điện tử Bộ Tư Pháp, [<https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1887>].

40. Bạch Thị Lệ Thoa (2009), Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và cơ chế hỗ trợ của tòa án, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 14 (151).

41. Trần Anh Tuấn (2009), “Pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế”, [<http://tks.edu.vn/thong-tin-khoa-hoc/chi-tiet/81/414>].

42. Nhữ Văn Tâm (2006), “ Xây dựng đội ngũ thẩm phán theo hướng nâng cao năng lực chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp - liên hệ vào thực tiễn của ngành tòa án tỉnh Thái Nguyên”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật Đại hội Quốc gia Hà Nội.

43. Nguyễn Đình Thơ (2006), “Một số vấn đề về thỏa thuận trọng tài”, Tạp chí Tòa án nhân dân, (10).

44. Tố Uyên (2016), “Trọng tài thương mại: Chỗ dựa cho doanh nghiệp khi gặp tranh chấp”, Thời báo Tài chính Việt Nam, [<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/kinh-doanh/2016-05-27/trong-tai-thuong-mai-cho-dua-cho-doanh-nghiep-khi-gap-tranh-chap-32073.aspx>].

45. Vũ Thị Hồng Vân (2016), “Khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng các quy định về hủy phán quyết trọng tài thương mại và một số giải pháp khắc phục”, Tạp chí Nghề Luật, số 3/2016.

46. Phi Yến (2019), “Năm 2019, Trọng tài thương mại TP.HCM phán quyết 5.777 vụ tranh chấp thương mại”, [<https://baosuckhoecongdong.vn/hoi-trong-tai-thuong-mai-tphcm-tong-ke-hoat-dong-nam-2019-143428.html>].

47. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) (2003), Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn, NXB Tài chính, Hà Nội.

48. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (2010), “Các phán quyết trọng tài Quốc tế chọn lọc”, NXB Tư pháp, Hà Nội.

49. Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) dịch từ nguyên bản của Alan Redfern, Martin Hunter, Nicgel Blackaby & Constantine Partasides, Law and Practice of International Commercial Arbitration, “Pháp luật và thực tiễn trọng tài thương mại quốc tế”.

50. Viện ngôn ngữ học (2000), Từ điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng.

51. Nhà Pháp luật Việt-Pháp (2009), Kỷ yếu Hội thảo về Dự thảo Luật trọng tài thương mại; xem tại: http://vibonline.com.vn/bao_cao/ky-yeu-hoi-thao-ve-du-thao-luat-trong-tai-thuong-mai.

52. Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, [[http://www.viac.org.vn/Uploads/ngoictb/Bao%20cao%20to%20tung%202013%20post%20len%20Vweb%20\(Dt 1\).pdf](http://www.viac.org.vn/Uploads/ngoictb/Bao%20cao%20to%20tung%202013%20post%20len%20Vweb%20(Dt%201).pdf)].

53. Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp (2010), “Đề cương giới thiệu Luật trọng tài thương mại”, Hà Nội.

54. Tờ trình số 10/TTr-HLGVN ngày 01 tháng 9 năm 2009 về dự án Luật Trọng tài thương mại của Hội luật gia Việt Nam.

55. Học viện Tư pháp (2007), “Giáo trình Luật tố tụng dân sự”, Nxb, Công an nhân dân.